TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1039/2019/DSPT
Ngày: 18/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh

Ông Lê Ngọc Tường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai Vụ án thụ lý số 391/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2019/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4290/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 8440/2019/QĐ-PT ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Bích V, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 22/87 đường Tr, Phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc L, sinh năm: 1992; địa chỉ: Số 9B đường G, Phường A, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2015, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang V, Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1959; địa chỉ: Số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần Nhựa B; trụ sở: Số 240 đường S, Phường E, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Chúc M, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 189 đường Ph, Phường C, Quận W, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 25/06/2014, có mặt).

3.2. Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

3.3. Bà Trần Kim Ngọc O, sinh năm 1983 (vắng mặt)

3.4. Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Lâm Thị Bích V – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 31/7/2013, các biên bản làm việc tại Tòa án, đơn yêu cầu ngày 11/6/2019, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/7/2011, bà Lâm Thị Bích V có cho bà Nguyễn Thị Thanh N vay số tiền là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất vay là 1%/ tháng, thời hạn vay (hai bên thỏa thuận miệng) là 01 năm kể từ ngày 8/7/2011; khi cho vay hai bên có làm "Giấy nhận nợ". Hết thời hạn cho vay nhưng bà N chưa trả lại tiền vốn và tiền lãi cho bà V. Nay bà V có yêu cầu bà N trả tiền vốn gốc đã vay là 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm thanh toán như sau:

- Từ ngày 28/11/2013 đến ngày 31/12/2016 là:

850.000.000 đồng x 9%/ năm x 1129 ngày = 236.626.027 (hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bảy) đồng.

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 11/6/2019 là:

850.000.000 đồng x 10%/ năm x 891 ngày = 207.493.150 (hai trăm lẻ bảy triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn một trăm năm mươi) đồng.

Tổng cộng: 236.626.027 đồng + 207.493.150 đồng = 444.119.177 (bốn trăm bốn mươi bốn triệu một trăm mười chín ngàn một trăm bảy mươi bảy) đồng.

Đồng thời để đảm bảo cho khoản vay trên, bà N có thế chấp cho bà V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do bà N đứng tên với hình thức là bên thế chấp trong Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3 ký ngày 26/8/2011 tại Văn phòng Công chứng Th giữa bà N, bà V (Hộ kinh doanh Tường V) và Công ty Cổ phần Nhựa B (viết tắt là Công ty B). Bảo đảm thực hiện một phần nghĩa vụ trả các khoản nợ, lãi quá hạn, phí (nếu có) theo thực tế phát sinh của Hộ kinh doanh Tường V với Công ty B theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số

09/HĐKT – BM/KD/2011 ngày 12/01/2011, với phạm vi thế chấp tối đa là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng và giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên cho Công ty B giữ.

Nay bà Lâm Thị Bích V yêu cầu bà N thanh toán cho bà V số tiền đã vay là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 03/7/2019 là 449.242.465 (bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng; tổng cộng là 1.299.242.465 (một tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng, yêu cầu bà N thanh toán một lần toàn bộ số tiền vốn và lãi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngay sau khi bà N thanh toán hết số tiền nợ trên, bà V cam kết sẽ thanh toán phần tiền chênh lệch theo Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3 số công chứng 006276 quyển số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Th cho Công ty B, để công ty giao trả bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà N.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh N tại các biên bản lập tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh N xác định không quen biết bà Lâm Thị Bích V và cũng không vay tiền của bà V nên không đồng ý trả tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà V.

Bà N có cho ông Nguyễn Hữu An mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và ông An có làm "Giấy mượn nợ" ngày 26/8/2011 cho bà N với nội dung có mượn một căn nhà địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để thế chấp cho Công ty Tường V với số tiền thế chấp là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng theo hợp đồng thế chấp số: 00276 ký giữa Công ty Tường V và Công ty B ngày 26/8/2011. Sau khi bà cho ông An mượn giấy tờ sở hữu nhà và vàng thì ông An bỏ đi đâu không rõ nên bà không thể liên lạc và cũng không biết hiện nay ông Nguyễn Hữu An ở đâu để cung cấp địa chỉ của ông An cho Tòa án. Bà N xác nhận có đến văn phòng công chứng nhưng không biết tên gì do ông An chở đến, do tin tưởng ông An nên bà N không đọc hợp đồng mà ký luôn. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3 số công chứng 006276 quyển số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Th, bà N không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty B có đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Chúc M tại biên bản tự khai và biên bản làm việc cùng ngày 26/6/2014 và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 26/8/2011, Công ty B, Hộ kinh doanh Tường V và bà Nguyễn Thị Thanh N có ký Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên

thứ 3 số công chứng 006276 quyển số: 01.TP/CC-SCC/ HĐGD tại Văn phòng Công chứng Th; trong đó bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thanh N, bên nhận thế chấp là Công ty B, bên được bảo lãnh là Hộ kinh doanh Tường V, nhằm bảo đảm thực hiện một phần nghĩa vụ trả các khoản nợ, lãi quá hạn, phí (nếu có) theo thực tế phát sinh của Hộ kinh doanh Tường V với Công ty B theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 09/HĐKT – BM/KD/2011 ngày 12/01/2011, với phạm vi thế chấp tối đa là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng. Hiện nay, Công ty B đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Thanh N đứng tên. Hiện bà Lâm Thị Bích V vẫn đang nợ công ty số tiền là 1.800.000.000 (một tỷ tám trăm triệu) đồng, số tiền này vẫn còn trong hạn mức nợ theo Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 09/HĐKT – BM/KD/2011 ngày 12/01/2011 nên công ty chưa khởi kiện đòi nợ bà V. Trường hợp bà N, bà V trả hết số tiền nợ trên cho công ty thì công ty sẽ giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà N. Đồng thời, đối với Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3 số công chứng 006276 quyển số: 01.TP/CC-SCC/ HĐGD tại Văn phòng Công chứng Th, công ty cũng không có yêu cầu gì.

2/ Bà Trần Kim Ngọc O tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2017 trình bày:

Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Thanh N, hiện nay đang ở tại địa chỉ số 20A đường Lam Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O sống tại căn nhà số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh từ nhỏ đến năm 2013 mới chuyển đi nơi khác. Năm 2011, bà O có đóng góp số tiền là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng để xây sửa lại căn nhà như hiện nay, bà O không có yêu cầu Tòa giải quyết đối với khoản tiền đóng góp sửa chữa nhà trong vụ án này. Theo bà được biết bà N bị ông Nguyễn Hữu An lừa dối, đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giả cho bà N. Bà N không giao dịch làm ăn hay vay mượn tiền gì của bà V nên không đồng ý trả tiền như yêu cầu của bà V. Việc bà N chưa đi tố cáo ông An với cơ quan công an về hành vi lừa đảo bà N là do bà N sức khoẻ kém, đi lại tốn kém. Bà O cũng đã đi tìm kiếm ông An nhưng không tìm được địa chỉ chính xác của ông An. Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên thứ 3 số công chứng 006276 quyển số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Th, bà O không có yêu cầu gì.

3/ Bà Trần Thị Xuân H và ông Trần Thanh Q đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai, chứng cứ, tài liệu và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2019/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị Bích V.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N có trách nhiệm thanh toán cho bà V số tiền vốn gốc là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng. Không tính lãi. Trả một lần Ny sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ny sau khi bà N thanh toán hết số nợ trên bà V có trách nhiệm phải giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 768419 do Uỷ ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2010. Số vào sổ cấp GCN: CH 00334 tại địa chỉ số 342/2 D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Thanh N.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Bích V đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm trả là 449.242.465 (bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi hai ngày bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn – bà Lâm Thị Bích V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện người kháng cáo – ông Lê Ngọc L trình bày: Bà Lâm Thị Bích V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận tính lãi chậm trả trên số nợ vay 850.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là 449.242.465 đồng.

Đại diện Công ty Cổ phần Nhựa B – bà Nguyễn Thị Chúc M trình bày: Sau khi bà Nguyễn Thị Thanh N ký hợp đồng bảo lãnh cho Hộ kinh doanh Tường V của bà Lâm Thị Bích V thì hiện Công ty B đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với nhà đất tại 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh do bà N đứng tên sở hữu. Hiện bà V đang kinh doanh với Công ty, nợ chưa vượt quá điều kiện bảo lãnh nên Công ty chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này. Trường hợp bà V giải quyết hết nợ với Công ty thì Công ty sẽ trả lại giấy chứng nhận cho bà N.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả trên số nợ 850.000.000 đồng, bà N và bà V có thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Hợp đồng vay tài sản 850.000.000 đồng giữa bà V và bà N, hợp đồng thế chấp bảo đảm nghĩa vụ cho Hộ kinh doanh Tường V với Công ty B là hai quan hệ độc lập, không liên quan đến nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi chậm trả trên số nợ vay 850.000.000 đồng, đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2019/DS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Xuân H, bà Trần Kim Ngọc O và ông Trần Thanh Q vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung, nguyên đơn – bà Lâm Thị Bích V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc tính lãi, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trên số nợ vay 850.000.000 đồng, tổng tiền lãi là 449.242.465 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và đặc biệt là Giấy nhận nợ ngày 08/7/2011 (bút lục 46) đã được kết luận tại Kết luận giám định số 3873/C54B ngày 02/3/2018 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng cục Cảnh sát (bút lục 218) xác định bà Nguyễn Thị Thanh N có vay bà Lâm Thị Bích V số tiền 850.000.000 đồng, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn là có cơ sở. Tuy nhiên, trên giấy nhận nợ nói trên hai bên không thỏa thuận về lãi suất cũng như thời hạn vay, phía nguyên đơn cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 1% và thời hạn vay một năm kể từ ngày 08/7/2011 nhưng không được bị đơn thừa nhận và nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Xét "Thông báo đòi nợ" ngày 18/10/2013 của bà V gửi đến bà N ngoài việc yêu cầu thanh toán số nợ vốn gốc 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng, có thông báo thời hạn vay đến hạn là 5 ngày tính từ ngày bà N nhận được thông báo trên và cũng có yêu cầu tính lãi quá hạn nếu đến hạn mà bà N không trả với lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật; bà N đã nhận được thông báo nhưng không có ý kiến phản hồi, yêu cầu này của bà V chỉ là yêu cầu đơn phương không được bà N chấp nhận nên đây không được coi là thỏa thuận về việc tính lãi của hai bên. Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ, áp dụng khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 và hướng dẫn tại Điều 4 khoản 1 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật; do đó, xét không chấp

nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ nói trên.

Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà Lâm Thị Bích V có nghĩa vụ phải giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 768419 do Uỷ ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/8/2010. Số vào sổ cấp GCN: CH 00334 đối với nhà đất tại địa chỉ số 342/2 đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Thanh N sau khi bà N trả hết nợ cho bà V tuy không có đương sự kháng cáo về phần này nhưng quyết định không phù hợp với các chứng cứ, nội dung diễn biến của vụ án và không thể thi hành án được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét lại. Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và sự thừa nhận của Công ty B tại hai cấp xét xử thì hiện Công ty B đang đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ba N nói trên nên cấp sơ thẩm buộc bà V giao trả giấy chứng nhận cho bà N là hoàn toàn không có cơ sở và không thể thi hành án được. Tại Giấy nhận nợ ngày 08/7/2011 (bút lục 46) có nội dung "Bà N có giao toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của căn nhà số 342/2 D, P1, Q8, HCM cho bà V" điều này xuất phát từ việc bà V cho bà N vay số tiền 850.000.000 đồng, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết và xét xử sơ thẩm, bà V đều thừa nhận việc bà N ký Hợp đồng thế chấp bảo đảm nghĩa vụ cho bên thứ 3 là Hộ kinh doanh Tường V (chủ hộ kinh doanh là bà Lâm Thị Bích V) với Công ty B là để đảm bảo cho việc bà V cho bà N vay số tiền 850.000.000 đồng; do đó, hai quan hệ vay tài sản và thế chấp tài sản là không thể tách rời, cần phải giải quyết trong cùng một vụ kiện để đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho cả nguyên đơn và bị đơn nhằm giải quyết triệt để vụ án. Để giải quyết cả hai quan hệ nói trên trong vụ án thì cần thu thập, bổ sung chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án cho phù hợp quy định pháp luật.

Như đã phân tích ở trên, xét không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, tuy nhiên cần phải giải quyết triệt để vụ án nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2019/DS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận X chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy bản án sơ thẩm nên bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – bà Lâm Thị Bích V, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2019/DS-ST ngày 05/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận X chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lâm Thị Bích V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà V tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0012031 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận X;
- TAND Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu: (T/20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hương